
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Kinh Tăng Chi số 029

<blockquote>Kalama tri ân bạn tathasati ghi chép.</blockquote>

[27/02/2021 - 11:04 - tathasati]

Kinh Tăng Chi số 029, [0:22, 27/2/21, tathasati]

-Đoạn 1: Có hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương.

Một người thiện, một người lành dẫu là vô danh cũng là phúc phần cho đời, cho chúng sanh. Tuy nhiên, người lành trong trường hợp này mình kể là 2 trường hợp: lành thiện tốt đạo hạnh đức độ nhưng mà sức ảnh hưởng tác động đối với quần chúng không nhiều đó là trường hợp 1 (tức là họ giống như viên ngọc nằm trong lòng núi, trong lòng suối vậy thì sức tác động ảnh hưởng tới chúng sinh không có nhiều); trường hợp 2 có những người cũng là người thiện người lành người tốt mà họ có tầm hoạt động lớn rộng có thể giúp cho chúng sanh phần lớn an trim lợi lạc. Ở đây, Đức Phật nói đến 2 nhân vật là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chuyển luân vương.

Chúng ta biết một hệ mặt trời thì nó gồm 1 mặt trăng, 1 mặt trời mà 1000 cái hệ mặt trời như vậy thì gọi là một tiểu thiên thế giới; 1000 tiểu thiên như vậy gọi là một trung thiên thế giới; 2000 trung thiên thì là một tam thiên đại thiên thế giới. Mà sức ảnh hưởng của một vị Chánh Đẳng Giác là 1000 tỷ, bên ngoài cái ngàn tỷ này còn vô số ngàn tỷ khác; bên ngoài nhóm ngàn tỷ này còn vô số ngàn tỷ khác mà nó xa quá đi cho nên mình chỉ tính trong ngàn tỷ này thôi.

Sự ảnh hưởng là khi các Ngài đản sanh, thành đạo, chuyển pháp luân, niết-bàn hay là thuyết giảng các pháp thoại quan trọng thì thiên chúng ở 10 phương, nếu Thế Tôn muốn thì họ có thể nghe được tiếng của Ngài, và đặc biệt là trong phạm vi 1000 tỷ tam thiên đại thiên thế giới đó thì bất cứ chúng sanh nào hữu duyên có thể có túc duyên giác ngộ thì Đức Như Lai bằng cách này cách khác thì Ngài cũng tiếp cận cho họ được nghe pháp và giác ngộ. Cách này hay cách khác là bởi vì trong kinh “Đại bát niết-bàn” Đức Phật có dạy rõ là có những lần Ngài xét thấy, người ta chỉ nghe âm thanh của Ngài họ cũng có thể đắc chứng, có trường hợp họ cần nhìn thấy cái chân thân, 32 hảo tướng y bát đầy đủ của một vị Chánh Đẳng Giác thì lúc đó Ngài cho họ thấy; nhưng cũng có trường hợp Ngài xuất hiện trong hình thức Ngài cho rằng thích hợp nhất với họ (ví dụ như ở đó có ông đạo sỹ hay là một nhân vật quyền lực nào đó như Không Tử, Lão Tử, Trang Tử chẳng hạn thì Ngài sẽ xuất hiện trong hình dáng giống như vậy để Ngài có thể gần gũi với người ta hơn, để người ta có thể dễ dàng chấp nhận lời dạy của Ngài hơn); có nhiều cách, trong chú giải có ghi rõ là có khi Ngài chỉ cho người ta nghe âm thanh, có khi Ngài cho người ta thấy hình dáng của một vị Phật, có khi Ngài dùng hình dáng nào mà Ngài cho là thích hợp nhất với người nghe; và với cách này Đức Thế Tôn xuất hiện trong 1000 tỷ vũ trụ. Cho nên, vị Chánh Đẳng Giác ra đời đem lại bao nhiêu là phúc lành cho chúng sinh (chỉ riêng người hữu duyên mà thôi). Chúng ta đã vô duyên với chánh pháp thì cho

dầu Đức Phật có đứng trước nhà mà ôm bình bát khát thực thì mình cũng không có nghe, không có hiểu được gì đâu.

Nhân vật thứ 2 là vị Chuyển Luân Vương; chuyển luân vương có 3 trường hợp: trường hợp 1 là vị đó cai trị trọn vẹn hành tinh này bằng đạo đức không dùng đến hình phạt tù ngục, chỉ thu phục người ta cho cả hành tinh này biết là bố thí, trì giới, thương người, bao dung, cảm thông; trường hợp 2 là vị cai trị 2 đến 3 hành tinh; trường hợp 4 là vị đó cai trị cả 4 hành tinh có người ở, tức là 4 châu đó (Nam thiêm bộ châu; đông thắng thân châu; tây ngưu sa châu; bắc cu lu châu). Một vị minh quân thánh chúa đầy đủ 32 hảo tướng giúp cho mọi người biết yêu cái thiện biết lánh cái ác mà cái sức ảnh hưởng 1,2,3,4 hành tinh như vậy thì cũng là công đức lớn cho đời. Cho nên đứng sau vị Chánh Đăng Giác phải kể đến vị Chuyển luân vương. Còn chư Phật độc giác, các vị thánh văn đề từ tuy là những vị a-la-hán, những vị thánh hoàn hảo triệt để thanh tịnh tuy nhiên, sức ảnh hưởng của các vị không có nhiều, chỉ trừ ra vị duy nhất là vị đệ nhất thánh văn đó là Ngài Xá-lợi-phất; mỗi một vị Phật đều có một vị đệ nhất thánh văn có sức ảnh hưởng rất lớn.

Nếu hôm nay quý vị hỏi tôi muốn nguyện trở thành một vị có sức ảnh hưởng lớn để giúp đời, thì tôi sẽ hỏi nhỏ một câu: “các vị có đủ gan để thành Phật Chánh Đăng Giác hay không?” nếu mà nhất thì nguyện thành chí thượng thánh văn, chứ nguyện thành Phật Độc Giác thì tu lâu gấp đôi vị chí thượng thánh văn nhưng chỉ có riêng mình thôi. Theo kinh điển pali: nếu không được sự hướng dẫn của vị Chánh Đăng Chánh Giác hoặc từ những người học hỏi giáo lý của Ngài, mà mình tự đi tìm con đường giải thoát để thấy 4 đế, 12 duyên khởi chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não thì phải mất tối thiểu là 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Cho nên ở đây Đức Phật dạy có 2 người khi ra đời đem lại lợi lạc cho chúng sinh, những nhân vật mà có tầm ảnh hưởng lớn đến chư thiên và loài người thì ở đây Ngài nói đến vị Chánh Đăng Giác và vị chuyển luân vương.

-Đoạn 2: thì Ngài gọi là sự xuất hiện của những người vi diệu.

-Đoạn 3: thì Ngài nói có 2 người mà khi họ chết để lại sự tiếc thương cho đồng đạo chúng sinh, đó là vị Chánh Đăng Giác và vị chuyển luân vương.

Khi còn sống đem lại lợi ích cho quá nhiều người thì cái sự ra đi của 2 vị này chắc chắn để lại sự tiếc thương cho rất nhiều người.

-Đoạn 4: Ngài dạy rằng cả 2 nhân vật đó đều đáng để xây tháp thờ phụng.

Xây tháp là gì? Xây tháp là dựng lên một biểu tượng mà người ta mỗi lần nhìn thấy tháp đó, người ta tưởng lại ân đức của người mà người ta đang thờ lạy, thì kiểu tưởng nhớ đó cũng là một công đức.

Còn mình thì nhà nhà người người khi mà sự phụ mình tịch rồi thì mình bèn xây tháp.

Trong kinh ‘Đại bát niết-bàn’ Đức Phật kể có 4 hạng để chúng sanh xây tháp thờ để chúng sinh lạy, lễ bái, tưởng nhớ chính vì điều đó sẽ mạng lợi ích cho họ (hạng thứ nhất là Chánh Đăng Chánh Giác; hạng thứ 2 là Phật Độc Giác là những vị tự ngộ, trên không có thầy dưới không có trò; hạng thứ 3 là vị a-la-hán thánh văn-các ngài tuy không tự ngộ như Độc Giác nhưng các ngài là tinh hoa của chúng sinh, nghĩa là trong hàng tỷ chúng sanh mới có một người chán sợ sanh tử và hành trì đúng bát chánh đạo để chấm dứt phiền não, các ngài biểu tượng cho sự giải thoát ở đời, cho nên lá y kasā gọi là lá cờ a-la-hán là vậy; nhân vật thứ 4 là chuyển luân vương tại sao trong kinh ‘Đại bát niết-bàn’ Thế Tôn lại xếp chuyển luân vương ở thứ 4 là vị chuyển luân vương dù sao cũng còn là phàm phu), ở đây Ngài kể có 2 thôi. Ở trên Ngài nói 2 thì ở dưới theo cái đà đó Ngài nói 2.

Kinh Dhajaggasutta- ‘kinh ngọn cờ’, ở đây Đức Phật dạy rằng: ‘này các tỷ-kheo, thỉnh thoảng thiên vương để thích dạo chơi chư thiên là khi nào sợ hãi thì hãy niệm tưởng đến thiên vương để thích, hãy nhìn lên ngọn cờ trần của thiên vương để thích thì bớt sợ hãi, có cái gì âu lo thì nghĩ đến thiên vương để thích thì bớt sợ. Đức Phật dạy rằng: này các tỷ-kheo, chư thiên mà nghe dạo chơi như vậy thì họ làm theo, có khi họ hết sợ, có khi họ làm theo mà họ không hết sợ là vì sao, là bởi vì này các tỷ-kheo, bản thân thiên vương để thích chưa phải là vị a-la-hán, chưa phải là người chấm dứt sợ hãi’.

Bên Thái Lai quý vị thấy có rất là nhiều niềm tin mà tôi gọi là quái gỡ là Phật thì không thờ, kinh điển thì không học, pháp môn thì không có hành trì mà cứ thờ mấy vị hòa thượng, thờ vị thiền sư này, thờ vị thiền sư kia, đúc tượng rồi làm tượng nhỏ bằng vàng, bằng đá để mà đeo trước ngực. Đó

là một dấu hiệu mặt pháp ; trong kinh pháp cú Đức Phật dạy rằng : ‘người ở đời sợ hãi núi non rừng rậm, bao nhiêu hiện tượng thiên nhiên, đem lòng kính sợ thiên nhiên, thờ lạy thiên nhiên bằng bao nhiêu thứ hình tượng, mà họ không biết rằng chỗ nương nhờ tôn quý và chắc chắn nhất chính là Tam Bảo ; vì Thế Tôn là bậc không còn sợ hãi, chánh pháp là con đường dẫn đến sự chấm dứt sợ hãi và thánh tăng là những vị đã hành trì chánh pháp và không còn sợ hãi. Chính ba ngôi báu này mới là điểm tựa tinh thần cho chúng ta khi mà chúng ta lâm nguy, khi mà chúng ta sợ hãi’. Tôi đã nói rằng ; cầu nguyện trong lúc sợ hãi không phải để thoát nạn mà cầu nguyện để bình tĩnh trước nguy hiểm, trong lúc đối phó nguy hiểm mà mình mà mình còn sợ hãi thì mình đã có được mấy chục % cơ hội thoát khỏi nguy hiểm, còn nếu chẳng may không thoát hiểm được thì chúng ta cũng ra đi trong sự thức tỉnh, còn mà cắm đầu cầu nguyện van xin mà không được thì sanh lòng bất mãn thì gọi là mê tín dị đoan. Niệm Phật là cầu chánh niệm, cầu trí tuệ, cầu sự bình yên, cầu sự thanh thản ; cầu và nguyện ở đây không có nghĩa là xin Phật, xin thánh tăng ... mà nguyện là mình tự gây tạo ấn tượng tâm lý, nhắc đi nhắc lại điều mà mình thấy là quan trọng là cần thiết, buổi đầu nó chỉ là tâm nguyện, lâu ngày nó trở thành đại nguyện, nếu nó hợp lý thì chắc chắn nó sẽ thành tựu. Hợp lý là mình nguyện điều mà nó không chối lại lý vô thường, lý nghiệp báo, ví dụ mình nguyện đời sau sinh ra có trí bây giờ mình vun bồi các hạnh lành mà nó liên quan đến trí tuệ như là học hỏi, thiền định, ấn tống kinh sách, hỗ trợ người tu hành, người học đạo, mình vừa làm phước mà mình vừa nguyện thì gọi là không có đi ngược lại lý nhân quả ; còn đấng này mình không tu tạo công đức mà nguyện tùm lum thì gọi là đi ngược lại lý nhân quả ; còn lý tam tướng nghĩa là mình nguyện gì thì nguyện, nhưng mà mình không thể nguyện những điều vô lý, vì vạn pháp do duyên mà có, có rồi phải mất, mình có thể nguyện đời sau sinh ra mình giàu sang, đẹp trai, đẹp gái, thông minh tiếng tăm quyền lực, uy tín xã hội... nhưng mà mình không thể nguyện đời đời kiếp kiếp sinh ra trẻ mãi không già, sống hoài không chết thì cái chuyện đó là không có được. Tôi đã nói là ba điều mà mình lạy Phật mình phải niệm : niệm 1 là Thế Tôn không thể giúp mình thoát chết nhưng mà Thế Tôn giúp mình không sợ chết ; điều thứ 2 là Thế Tôn và chư Phật ba đời không thể đem đến cho mình tất cả những điều mình thích nhưng các Ngài có thể dạy cho mình không thích cái gì ; điều thứ 3 là chư Phật không thể nắm tay từng người trong chúng ta mà dắt đi du hí vô lượng vũ trụ nhưng mà chư Phật có thể dạy cho mình thấy là đi đâu cũng thể thôi.

Quay trở lại việc lập tháp thờ, dầu Ngài dạy là 4 hạng hay 2 hạng thì tinh thần chung của lời dạy đó là hãy biết yêu kính cái thiện thờ lạy Tam Bảo, tranh tượng, bảo tháp, bồ đề tất cả phải được hiểu bằng một ý nghĩa tích cực, hướng thượng và thông minh một tý đó là thờ lạy cái thiện, thờ lạy cái biểu tượng cho cái lành chứ không phải để cầu nguyện khẩn vái van xin này nọ. Nhưng người đáng được lập tháp thì bản thân họ đã hoàn thiện được tương đối hoặc tuyệt đối, sống sao để mình trở thành người đáng để người ta lập tháp, mình không mong người khác lạy mình nhưng mà sống sao cho đáng để người ta thờ lạy. Đoạn số 4 phải hiểu như vậy đó. Chư thánh hiền không mong ai thờ lạy nhưng mà chư thánh hiền luôn sống đáng để người ta thờ lạy.

-Đoạn 5 : có hai bậc giác ngộ ở đời, tại sao thánh nhân có nhiều hạng, ở đây Ngài chỉ kể có 2 là bởi vì : ở trong chú giải có nói, ở đây Ngài đang nhấn mạnh hạng ānubhāvena, hai bậc này được gọi là sambuddho gọi là tự ngộ, sam ở đây là hình thức viết tắt của sayam-nghĩa là him self ; nghĩa là tự mình giác ngộ tứ đế bằng khả năng của bản thân.

-Đoạn 6,7,8 : ở đây Ngài nói có hai hạng chúng sinh, dầu cho sét đánh vào đầu cũng không hề sợ hãi run rẩy, giật mình, hoảng loạn ; hạng thứ nhất là thánh nhân tam quả trở lên không còn tâm sân và thân kiến đã diệt nên không còn sợ hãi, sợ quả hết thân kiến nhưng còn tâm sân nên còn giật mình, sợ hãi, buồn đau vi tế, khiñāsava-bậc lậu tận, ở đây gồm luôn a-na-hàm, chỗ khác thì chỉ riêng vị la-hán ; trong chú giải chỉ nói vắn tắt là không sợ là vì không còn tâm sân và thân kiến thôi bởi vì tu-đà-hườn không còn thân kiến nhưng người ta vẫn còn giật mình một chút, người ta vẫn còn sợ, người ta vẫn còn buồn đau là vì người ta còn tâm sân mặc dù ở dạng vi tế chứ không phải là đồ mặt tía tai, ra tay giết người như phạm phu, rồi binh khí miệng lưỡi, chỉ là nhúu mây, đau buồn ngán lệ mắt đỏ hoe chùng thì đã nhiều lắm rồi, chứ đừng nghĩ Ngài Anan khóc chắc là giấy đùng đùng, lăn nhào bút tóc, đăm ngực như mình là không có ; kể cả trong xã hội mình dân trí thức lúc họ giận, họ buồn nó cũng hơi khác với người ít học vì họ có khả năng kiềm chế và khả năng kiểm

soát cảm xúc tốt, còn người bình thường thiếu khả năng hàm dưỡng thì không có khả năng kiềm chế cảm xúc, vui thì vui quá cỡ mà buồn đau, giận hờn sợ hãi thì cũng quá mức. Cho nên ở đây bậc không còn sợ hãi giặt mình là bậc thánh a-na-hàm trở lên. Hạng thứ 2 là những loại chúng sinh thuần chủng, tức là có loại chúng sanh nó lý lắm bởi vì thân kiến nó quá mạnh.

Ví dụ trong room này đủ thành phần hết, có nhiều vị lá ngọc cành vàng, tiểu thư khuê các không biết có biết chuyện này không ; là ở trong thiên nhiên có những loài mà bản thân tôi tận mắt chứng kiến, có những lần tôi gặp những con rắn, mà rắn dữ cắn bằng cây đũa ăn cơm mà mình gặp mình lấy cây mình vút nó đi mà nó mô vô cây đũa của mình, nó hung hăng nó không chạy, nó đối kháng đến phút cuối luôn, mà mình vút nó xuống đất thì thôi. Tức là có những loài mà nó hung dữ đến mức mà nó không kể số gì hết. Tôi có biết một chuyện người thật việc thật, là ở quận 3 ngày xưa có nhân vật anh chị nhỏ xíu con à, mà bạn thân của ông sư bạn tôi, nhỏ xíu con mà không ngán ai hết, mỗi lần mà bị mấy anh giang hồ anh chị mà đánh máu me tùm lum, miệng anh máu không mà anh vẫn cười, anh nói thế này : đánh là đánh cho chết chứ để cho tui mà thương tật rồi mất công tui đi chém lại mệt lắm, mà nó năn nỉ người đánh nó đó, còn tui mà còn thờ thì you không có yên đâu ; còn có lần mà nó cần giải quyết chuyện trong giang hồ, nhỏ xíu con ak mà cứ lấy cái mã tấu quần cái bao gạo sợ công an thấy, quần xong cột sau xe đạp, đạp tỉnh bơ, dọc đường gặp mấy người bạn hỏi mày đi đâu vậy, hấn cười cười, xử vị này chút, chiều về thì một là anh bị người ta chém mà 2 là anh chém được người ta anh tỉnh bơ, về thay áo tắm rửa thôi. Thì có những chúng sanh do cái chấp ngã lớn quá, cái tôi của nó lớn quá, lớn đến mức mà nó không còn sợ nữa ; thứ nhất là ngán kẻ anh hùng thứ 2 là ngán kẻ cô cùng liêu thân, chuột chạy cùng sào, chó dí vô đường cùng thì cỡ nào nó cũng quật được bởi vì lúc đó thân kiến nó phát huy triệt để, toàn diện.

Ba đoạn này nói rõ căn cội, nguồn cơn của thế giới và sự khác biệt của phàm và thánh. Là toàn bộ vô lượng vũ trụ, chúng sanh chỉ có 2 hạng thôi : một là còn thân kiến và hai là hết thân kiến. Thân kiến là cứ khư khư chấp chặt vào thân tâm, 6 căn 6 trần và 6 cảnh. Chấp chặt là nhà của tôi, xe của tôi, vợ chồng con cái bất động sản của tôi, danh tiếng quyền lực danh dự của tôi ; mất tai mũi lưỡi này là của tôi, tấm thân này là của tôi, cái mạng này là của tôi, tấm thân cùi lở này là của tôi, tấm thân mình vàng vóc ngọc này là của tôi, cữ xỉ xấu hoắc má hóp lưng cong chân chùn gối mỗi này là của tôi. Tức là gắn liền 18 giới vào khái niệm tôi và của tôi thì gọi là thân kiến. Thánh nhân là người không còn tiếp tục chêm bao mộng mị nữa, thánh nhân thấy rõ mọi thứ do duyên mà có ; vì duyên nào mà mình sinh tử, vì duyên không thấy 4 đế, không thấy mọi hiện hữu là khổ không thấy rằng thích cái gì cũng là thích trong khổ, không thấy rằng muốn hết khổ thì đừng có thích trong khổ nữa, không thấy rằng cả 3 nhận thức ấy là con đường thoát khổ ; thiếu 4 cái này gọi là vô minh trong 4 đế ; mà vì có vô minh trong 4 đế mới nảy ra 2 con đường trốn khổ tìm vui : một là làm ác rồi bị khổ, làm thiện được vui rồi cả hai khổ vui đều là trầm luân.(tôi nhắc riết mà những người là thánh giả thường trực của cái room này là thuộc như cháo). Thánh nhân thấy điều này nên thánh nhân không còn hệ lụy bởi thiện ác buồn vui nữa, điều thiện thì làm nhưng mà để cầu dứt thiện ác ; người tu giải thoát vẫn hành thiện lánh ác nhưng với lý tưởng là chấm dứt thiện ác ; không lấy khổ vui (quả của thiện ác) làm cơ hội thiện ác. Đối với cái nhân thì lánh ác làm thiện, nhưng đối với cái quả khổ vui thì anh không có màng, anh không lấy nó làm cái cơ mà tiếp tục luân hồi nữa.

Nói về nhân thì chán thiện làm ác, mà tới hồi hưởng quả thì khoái thiện sợ quả ác. Phàm phu thích gieo nhân ác mà ghét nhân thiện nhưng lại thích hưởng quả thiện và ghét sợ quả ác.

Bây giờ mà kêu đi ngồi thiền, đi bố thí, đi niệm Phật, đi quét chùa, đi chùi cầu, đi rửa chén kiếm dùm xem được 1% hay không ; các vị biết cảm giác đi câu cá, đi săn bắn, ngồi lê đôi mách, đi mua sắm quần là áo lụa, chung điện rồi lên facebook post hình rồi tâm sự, rồi chim biển nó đã lắm, mà mấy cái đó toàn là bất thiện trong khi đó cái nhân lành lại ngán. Khi gieo thì khoái gieo nhân ác mà khi gặt quả thì thích quả thiện sợ quả ác, quý vị tưởng tượng thế giới này nó là thế giới nghịch lý thì làm sao mà nó không phải là cái bị khổ được quý vị, quý vị tự hỏi lòng mình đi.

Qua 3 đoạn này Ngài muốn vạch ra cho ta thấy thế giới này bị quán quýt ở trong thân kiến.

-Đoạn 9 : do thấy hai lý do này, này các tỳ-kheo nên các loài kimpurisā, còn có một tên nữa là kinnarā, tiếng hán phiên là khấn-na-la có nghĩa là mình thì đầu người nhưng chân chim và có cánh ; một loại chúng sinh thuộc nhóm tứ thiên vương tương đương(là quan hệ đẳng lập ví dụ như có

những đất nước ông tổng thống nắm quyền hết nhưng mà có những đất nước ông tổng thống chỉ ngồi chơi xơi nước mà ông nắm quyền hết là ông thủ tướng thì lúc bấy giờ trong quan hệ đẳng lập thì ông thủ tướng mà toàn quyền này ông tương đương với ông tổng thống toàn quyền kia, mặc dù trên chức danh thì thủ tướng và tổng thống trên từ ngữ khác nhau, nhưng mà trong chức năng, trong quan hệ đẳng-là tương đương lập thì nó là giống nhau) với rồng, quỷ, càn-thác-bà, kim-xí-điều(đại bàng), Cưu-bàn-trà là kumbhanda đây là một loại quỷ lùn(bụng to, chuyên ở hồ nước, đền tháp hay kho tàng để bảo hộ nói theo kinh thôi). Thì ở đây loài kinnarā cũng là một loài chúng sanh trong nhóm tứ thiên vương ; loài kinnarā rất đẹp, nửa thân trên của nó từ rún trở lên đầu là con người, (kinnarā có tròng và mái) nửa thân trên nếu là nam thì giống hệt mỹ nam, còn nếu là nữ thì giống hệt mỹ nữ ; loại này sống rất là lâu, sống tới mấy thế kỷ và trong lần gặp lại nàng Dadu(Yasodharā) sau khi thành đạo thì Thế Tôn có kể lại một loạt những tiền thân của bà với bồ-tát trong đó có kiếp 2 người là kinnara, nàng Dadu(Yasodharā) lúc đó rất mực thủy chung với bồ-tát, đó là câu chuyện tình thơ mộng bậc nhất, khi mà bị vua bắt rồi hai người phải xa nhau, thì những đêm trăng vàng bên suối, người này ngồi nghe thác và người kia nghe suối chảy thì nhớ đến đối phương, nàng có những ca khúc rất là não lòng để nhớ thương bồ-tát, trong suốt thời gian đó có bao nhiêu cảm dỗ có bao nhiêu ong bướm thì nàng đều bỏ qua chỉ một lòng nghĩ đến bồ-tát, thì tôi không ngờ giữa thời gian hành ba-la-mật thì giữa hai người khổ ải gian truân biết bao nhiêu cũng không thiếu những trường đoạn tâm tư rất mực là thơ mộng. Kinnarā đẹp lắm, mà biết nói tiếng người.

Trong chú giải có nói rằng : loài này nó chỉ có nói chuyện cần thiết thôi, chú giải kể đoạn này, vua A-dục có người hiến cho vua A-dục một cặp kinnarā, chúng chỉ nói 2 câu mà thôi.(trong đó có kể là có người thợ rừng, mới bắt được 2 con này và đem hiến cho vua A-dục để mà thưởng mà nó không chịu nói chuyện, thì có người mới nghĩ ra cách là cái loài này nó chịu nói chuyện khi mà nó có chuyện cần thiết lắm, chứ nó không có nói tám như mình, thì ông này mới nghĩ ra cách khiến cho nó mở miệng là ông mới bắc một cái lò, thì cái lò truyền thống là có 3 đỉnh lò, mà ông này ông có ý ông chỉ lấy có 2 thôi, ông đóng 2 cây cọc rồi ông để đồ lên, thì dĩ nhiên là cái nồi nó không có đứng, ông cứ vịn hoài vậy đó thì con kinnarā nó thấy cảnh đó nó chịu không được, nó buột miệng nó nói : bắc lò thì phải bắc 3 chấu chứ tại sao lại 2 chấu, nó nói một câu một chữ thế thôi và nó không nói nữa ; lúc đó người ta mới bắt được một con, về sau người ta bắt thêm được một con nữa là thành một cặp và nó còn tệ hơn Bao Tử, Bao Tử của U Vương không cười nhưng mà còn nói, nàng có nhiều sở thích quái gở lắm là nàng thích nghe tiếng chén đĩa bể, thích nghe xé lụa, mà thời đó lụa dệt cả buổi được miếng bằng bàn tay vậy mà bao nhiêu lụa trong thiên hạ đem về xé cho nàng nghe, mỗi lần nàng nghe nàng cười mà cười kiểu tiết kiệm đó, nàng hi hí miêm chi gì đó là vua mừng dữ lắm rồi. Thì ở đây cũng vậy, 2 ông thần này cũng không chịu nói thì người ta nghĩ đủ cách, thì người ta mới bày ra một đồng thực phẩm, chay có mặn có, trái cây rồi cá thịt coi tụi nó thế nào thì 2 con chỉ nói 2 câu thôi : câu 1, con thứ nhất nói : ‘loài người ăn toàn đồ độc hại, trách sao katham mà bệnh hoạn triền miên’ pālī là ‘mahāvisam manussā khādanti-loài người ăn toàn đồ độc hại không’ ; katham kilāsino na honti-làm sao mà không bệnh hoạn triền miên được’(câu thứ nhất mà lúc này kinnarā này nói là ‘kim aññam ekam khāṇukam koṭṭetum na vaṭṭati’-‘bắt lò có cây sao bắt được cha’) ; câu thứ 2 nội dung ý chang như vậy : ‘evaṃ mānusiṃ vācam kathetum sakkhontāpi dve atthe sampassamānā na kathentiti-ăn vậy mà không bị bệnh mới lạ’. Và từ đó cho đến lúc chết nó khép miệng không nói nữa. Như vậy trước sau cặp này chỉ nói có 3 câu thôi.

Kinnarā vừa là á thiên mà cũng là bán thú(nửa tiên nửa thú), có điểm hơn loài người là rất văn minh trong ngôn ngữ, nghĩa là chỉ nói cái gì đúng, không có nói dối, không nói đâm thọc, không bịa chuyện, không nói láo và xuyên tạc, phỉ báng.

-Đoạn 10 : ở đây Đức Phật dạy rằng đa phần phụ nữ đến chết vẫn chưa được thỏa mãn 2 điều : 1 là sự gần gũi đàn ông và thứ 2 là sinh con.

Cái này chắc nói theo phần đông thời điểm Ấn Độ thời đó, chứ thời nay người dân Âu Mỹ thì cái số 1 có thể đúng, đời sống tình dục tình cảm của họ rất là mãnh liệt nhưng mà khoản sanh con thì đàn bà nào cũng có thiên chức làm mẹ, thích bồng bế hôn hít, thích sở hữu, thích trách nhiệm, tuy nhiên người phụ nữ Âu Mỹ theo tôi hiểu thì họ sợ lắm, bởi vì, thế giới có quá nhiều chỗ để đi, có nhiều việc để làm, có quá nhiều thứ hưởng thụ ; họ sợ cái xe nô, sợ thay tã, họ sợ phải có trách nhiệm,

bồng bề chăm sóc một cục nợ mấy ký ; họ thích tung tăng một mình với cái ba-lô, nhảy tàu đi du lịch, đi phượt họ thích hơn, đó là chuyện ngày nay.

Trong đây mới giải thích thể này : appaṭivānoti anukaṇṭhito là thèm thuồng, apaccosakkito là khao khát, trong tiếng Mỹ là highly dissatisfied-không có cách chi mà thỏa mãn được.

-Đoạn 11 : Ngài dạy rằng người thiện(có khuynh hướng tâm lý) thì luôn sẵn lòng lắng nghe tiếp thu lời nhắc nhở của người khác ; kẻ xấu thì ngược lại.

Thiện cấp thấp chỉ chấp nhận lời khuyên của người hảo ý. Có nghĩa là mình không phải là lì lợm cứng đầu, ngoan cố gỗ đá nhưng có điều là chỉ nghe lời của người mà mình biết rằng họ có thiện tâm, có hảo ý nhắc nhở góp ý xây dựng mình, thì mình mới thích, còn người mà đâm chích móc xỏ, nói dè bêu, châm biếm thì mình chịu không nổi. Người đó cũng là thiện đó nhưng mà thiện cấp thấp. Thiện cao cấp thì chỉ cần lời khuyên đó có chỗ dùng được thì sẵn sàng ghi nhận. Nghĩa là người ta nói bằng thiện chí hay ác ý không quan trọng, mà quan trọng là người ta nói cái gì đó là thiện cao cấp.

Mình thấy trong đời sống vật chất cũng vậy, có người chỉ kiếm tiền trong điều kiện vui vẻ, họ thích làm điều mình thích, họ làm điều họ muốn. Cũng có người thứ 2 là miễn ở đâu có tiền, cực khổ cách mấy, trái ý nghịch lòng cách mấy, miễn là có tiền thì họ lặn xả vào, nhờ vậy họ giàu kinh thiên động địa, còn hạng thứ nhất họ chỉ làm điều họ thích, điều họ muốn thôi, họ thích tiền lắm nhưng họ chọn lọc kiểu kiếm tiền thì làm sao mà họ giàu bằng ông kia được. Còn ông kia thì miễn là có tiền thì họ sẵn sàng cực khổ cách mấy họ cũng chịu. Thì thiện cấp cao cũng giống như con buôn thượng đẳng ở điểm là chỉ cần có được một số tiền lớn thì khó nhọc tủi nhục thế nào họ cũng chịu, ở đây người thiện cao cấp là đáng cay chát chua cỡ nào mà miễn là trong lời nói của đối phương mà có chỗ dùng được thì mình bèn tận dụng ngay, cái này rất đặc biệt. Phần lớn những người tôi gặp đều là thiện cấp thấp.

-Đoạn 12 : Đức Phật Ngài dạy rằng trong bất cứ cuộc tranh tụng nào mà một trong hai bên biết lắng đọng, im lặng đúng lúc thì cuộc tranh tụng này sớm được kết thúc.

Theo kinh nghiệm cổ truyền của ông bà Việt Nam xưa, có kinh nghiệm nhỏ nhỏ, nghe hơi ngộ ngộ : ‘chồng giận thì vợ bớt lời ; cơm sôi mà bớt lửa, một đời không khê’. Có nghĩa là mình có va chạm nhau nếu 1 trong 2 bên biết im lặng, nếu cả 2 đều biết im lặng đúng lúc đúng chỗ thì quá tuyệt vời, nhưng tối thiểu chỉ có một bên thôi, biết rút lui biết im lặng thì mọi thứ cũng sẽ sớm được kết thúc tốt đẹp ; mọi rắc rối cái ồn ào của người còn lại nó như một nắm đấm tung vào khoảng không nó không có tác dụng dội ngược nữa ; còn hai bên cứ tương đầu, tương tranh ai cũng thấy cái tôi của mình nó to đùng như núi thì chắc chắn là nảy lửa, cho nên đây là kinh nghiệm nghe qua thì đơn giản mà khó thực hiện. Trong bất cứ cuộc xung đột nào thì mình cứ tâm niệm một điều, tuổi đời mình không đủ dài, để mà mình tiếp tục mất thời gian cho những chuyện ruồi bu này. Đây là kinh nghiệm của Ngài Xá-lợi-phất trong Trường bộ kinh, ‘kinh phúng tụng’ và ‘kinh thập thượng’ Ngài đã dạy : khi mà lòng có bất mãn, hờn giận căm ghét ai đó thì hãy tự hỏi lòng mình như sau : mình được lợi ích gì khi mà mình phải sống trong niềm uất hận này. Tây có câu : ‘ôm lòng căm hận một người, giống như mình uống thuốc độc mà mong cho người ta chết’.

VII.PHÂM LẠC

-Đoạn 1 : có hai loại lạc, lạc tại gia và lạc xuất gia.

Lạc tại gia là hạnh phúc có được từ 3 dục.

Lạc gồm có 2 là gihisukha và pabbajitasukha- là lia bỏ

Lạc xuất gia là hạnh phúc mà lia 3 dục.

Chữ xuất gia mà người mình thường dùng được dịch từ 2 chữ : pabbaja-nghĩa là lia bỏ, quang bỏ cái thứ gì đó, không giữ trong tay nữa ; nekkhamma – là người ra đi, không để cái chân mình nó ở cái nơi chôn đó nữa. Cả hai từ pabbaja và nekkhamma có nghĩa là tay không cầm chân không nấn ná nữa được gọi là xuất gia.

Mà từ xuất gia đến đời mình thì mình hiểu nó nghèo quá, nên khi mà mình là người Tăng ni mình quên mất lý tưởng rốt ráo thực sự của xuất gia.

Trong đây có ghi là hạnh phúc của cư sỹ đầu là thiện nam tín nữ, thì vô chùa bó thí, giữ giới lai rai chút đỉnh rồi cũng quay về đời sống đầy tục niệm và tục sự của mình, có nghĩa là phải là cơm gạo

áo tiền, buồn là buồn kiêu đời, vui là vui kiêu đời, mai này lăn đùng ra già rồi chết bệnh cũng bệnh kiêu đời, còn người xuất gia đúng nghĩa thì bệnh là cơ hội tu tập, già là cơ hội tu tập và cái chết là cơ hội tu tập.

Thế gian chỉ vui khi có được 5 dục như ý, còn người xuất gia đúng nghĩa thì buồn vui, thiện ác bất toại thảy đều là cơ hội để họ tu tập.

Trong chú giải có ghi : đối với người xuất gia đúng nghĩa thì phải sống tứ niệm xứ, là hành giả tứ niệm xứ ; biết tâm thiện đang có mặt-tu, biết tâm ác đang có mặt- cũng là tu, biết mình đang dễ chịu như ý - đó là tu, biết mình đang khó chịu không như ý đang bất toại, biết như thế đã là tu. Như vậy người xuất gia khác người cư sĩ : người cư sĩ khi bố thí mới là tu, khi thọ giới mới là tu, khi phục vụ, nghe pháp, thính pháp mới là tu còn ngoài ra là họ còn vật lộn với cơm gạo áo tiền, dĩ nhiên nếu họ là hành giả miên mật tinh tấn triệt để thì y chang như người xuất gia, nhưng mà nói cho vui thôi chứ làm gì có cư sĩ ngon lành như vậy, bởi vì ai nuôi đây, rồi vợ con đùm đê ai nuôi đây. Cho nên khi người xuất gia mà cái nhu cầu vật chất được giảm đến tối thiểu, tối giản và tinh yếu, thì sẽ có nhiều thời gian sống hết mình, thiện ác buồn vui đều là cơ hội tu tập, già bệnh chết thảy đều là công án tu tập đều là cái thoai đầu để trừ tham ái hết, thì đó là hạnh phúc của người tu là ở chỗ đó ; sống một ngày đáng một ngày, mà ngay cả cái chết cũng chết đẹp chết êm chết sạch.

-Đoạn 2 : dục lạc và viễn ly lạc. Giống đoạn 1.

-Đoạn 3 : niềm vui không sanh y và niềm vui sanh y.

Sanh y chính là phiền não và 5 uẩn, upadhi-ở đây ám chỉ phiền não và 5 uẩn. Niềm vui nào còn dính níu còn quan hệ đến phiền não, đến 5 uẩn thì niềm vui đó có vấn đề là vì mọi thứ do duyên mà có, có rồi lại mất dầu đắng cay chua chát ngọt bùi thơm béo cách mấy thì cũng là có rồi lại mất. Mặc dầu chúng ta sinh ra trong gia đình thế gia vọng tộc, 16 tuổi đã có bằng tú tài rồi, 28, 30 đã có bằng bác sỹ, lấy được người chồng mình thương, lấy được người chồng mình thích rồi lâu dài vila toàn cầu, trong nhà băng có tài khoản mấy chục triệu và ta sống đến 100 tuổi, con đàn cháu đống, đứa nào cũng..rồi đến 90 tuổi coi như bà đi trước hoặc ông đi trước thì người còn lại cũng ra vào quanh hươu, lúc thì xe lăn lúc thì gậy, mắt mờ tai điếc, lụm cùm, kèm nhèm, ở xứ tuyết thì nhìn tuyết ngoài cửa sổ, uống ly trà và lật từng cuốn album ảnh nhớ về người ông, rồi nghe người kỳ kỳ bấm phone gọi con hay kêu cấp cứu chở vô bệnh viện nằm nhìn 4 bức tường trắng nhớ thời tuổi trẻ cực kỳ vàng son huy hoàng tráng lệ, lộng lẫy, lung linh, lấp lánh. Mà quý vị tưởng tượng chín chục tuổi, niềm vui mà nó gắn liền với chuyện đời thì nó kết thúc như vậy ; tôi đang vẽ cho bà con coi chơi một cái mảnh đời mà tôi cho rằng vàng đó, đẹp như vậy, sống đến chín chục mà danh lợi rõ ràng tông môn xuất sắc cuối cùng thì một ông cụ, một bà lão 90 thì kết thúc kiêu gì, giống nhau thôi.

Như vậy hạnh phúc liên hệ đến sanh y là như vậy đó, liên hệ đến phiền não, liên hệ đến 5 uẩn thì nó vui cỡ nào đi nữa ; có về trời làm phạm thiên, đê thích, ác ma thiên tử, chuyển luân thánh vương thì sao, rồi cũng kết thúc như vậy thôi.

-Đoạn 4 -12: lạc có lậu hoặc và lạc không có lậu hoặc.(lậu hoặc ở đây có nghĩa là phiền não) ; lạc thuộc về tài vật và không thuộc về tài vật(tài vật ở đây pāli gọi là āmisa, tương đương, đồng nghĩa với vaṭṭā-nghĩa là luân hồi, dẫn luân hồi) ; tiếp theo là niềm vui thánh phàm(niềm vui của phàm làm sao giống sự an lạc của thánh ; phàm vui vì có được cái mình thích, thánh an lạc vì không còn thích gì, không còn thích gì thì không còn ghét sợ, đó mới là an lạc thực sự, họ an lạc vì họ không có cái để cầm, không có chỗ để nắm ná . Kiêu an lạc của phàm rất mong manh vì rất dễ bị thử thách ; vui vì cầm trên tay cái mình thích và vui vì rảnh tay) ; lạc thuộc thân và lạc không thuộc thân(vui thân là kāyikā, cái thứ 2 là hạnh phúc tinh thần cetasikā) ; lạc có hỷ và lạc không hỷ(sappītika và nippītik ; lạc có hỷ là dục lạc và lạc trong các tầng thiên từ tam trở xuống, kiêu an lạc này có vấn đề vì lạc ở đâu thì khổ ở đó, riêng tứ thiên sắc giới trở lên thì không còn lạc nên cũng không còn khổ ; sukha-là sự yên bình, thanh thản) ; vui ngọt và vui nhạt ; lạc có hân hoan và lạc có xả, lạc có định và lạc không định.

Ai đã từng đi xa mới biết , đi phi trường, sân ga, xe bus, phương tiện công cộng, ai mà đi mà rảnh tay thì nó sướng không tài nào tả nổi ; còn thứ mà khoái mua sắm đồ ăn, áo quần, vật dụng, nồi niêu xoong chảo, dao kéo, máy móc thì đi du lịch nó khổ muốn chết luôn tức là nội cụ bị, gồng gánh, ke ne, cấp nách, nó khổ dữ lắm. Mà sướng thay cho kẻ nào đi du lịch chỉ có thể nhà băng trong bóp, rồi

một hai cái thẻ gì cần thiết như thẻ bảo hiểm gì đó, còn lại trong ba-lô chỉ có 1,2 cái áo quần nào mà mình thấy là cần thiết nhất ; hôm nay mình thấy đồ du lịch, kể cả đồ chống lạnh có đồ bằng nano, bởi vì nó nhẹ, chống thấm, làm áo gió được, áo lạnh được.

Tiếp theo lạc có hỷ là dục lạc và lạc trong các tầng thiên từ tam trở xuống, kiêu an lạc này có vấn đề vì lạc ở đâu thì khổ ở đó, riêng tứ thiên sắc giới trở lên thì không còn lạc nên cũng không còn khổ ; sukha-là sự yên bình, thanh thản. Niềm vui cao cấp thì không liên quan đến cái vui, cái thương thích, vui trong đó chỉ nhẹ nhàng, không có gì để nhẹ vai và mỏi tay.

Tiếp theo là vui ngọt và vui nhạt ; vui ngọt satasukha là vui có khổ núp sau ; vui nhạt là thanh thoi do rảnh tay và nhẹ vai. Vui ngọt là tam thiên trở xuống, vui nhạt là tứ thiên sắc giới trở lên. Ví dụ, có chú tiểu kia trong chùa trên núi, có người sư phụ rất mê chơi lan, uống trà mà ông hòa thượng vốn là một tay trà tượng nghĩa là uống trà chuyên nghiệp, mà trà tượng thì có trà cụ, ông có cơ man là những bình ấm, chén lọ là hàng chuyên môn thượng thừa của phật tử mà dân trong nghề họ hiến tặng ; thì một ngày kia chú tiểu này làm vỡ một món đó, thì chú sợ mặt tái mét chú nghĩ đời chú chỉ có chết thôi, thì không ngờ lúc chú làm bể chú loay hoay không biết làm sao thì sư phụ mới đứng sau lưng chú mà chú không hay, sư phụ lấy tay vỗ nhẹ lên vai chú trấn an, phủ dụ, sư phụ mới nói : con có biết vì sao sư phụ thích chơi lan và uống trà không ?, dạ, thấy sư phụ vui, vì vui nên sư phụ mới uống trà mới chơi lan ; sư phụ mới nói, ờ, mình chơi mà vui thì chơi mà nếu mà mình chơi 2 cái đó mà mình cứ canh cánh sợ bể sợ hư thì chơi đó là chơi buồn chứ không phải là chơi vui ; mà sư phụ chơi kiểu vui, có nghĩa là nó còn thì vui kiểu còn, nó hết thì vui kiểu hết, nó bể bữa này mai một nó không còn cái để bể nữa thì lúc đó mình vui kiểu khác con biết không chứ hề mà nó còn thì mình còn canh cánh tức là nó không bể ngay rằm thì cũng bể 30. Cao siêu là ở đó.

Tiếp theo lạc có hân hoan và lạc có xả, lạc có định và lạc không định. Lạc có định là niềm vui của người có cận định và kiên cố định(từ sơ thiên trở lên), chắc chắn hơn hẳn niềm vui của người không có được 2 thứ định này ; vui mà có định nghĩa là ta đang có thiên, hoặc sẽ chứng thiên sẽ tu vipassana tốt hơn, hoặc tối thiểu sẽ về phạm thiên, người không có 2 thứ định trên sẽ không được vậy.

-Đoạn 13 : là sự an lạc lấy cảnh ngọt ngào làm nguồn cơn, và niềm vui lấy cảnh thiên không đắng ngọt làm nguồn cơn. Chữ sở duyên ở đây là cảnh ārammana ; sở duyên là an lạc bằng đề mục hay là cảnh sắc giới không sánh được sự an lạc của tầng thiên vô sắc. Định vô sắc mạnh hơn định sắc giới nên niềm an lạc vững chắc hơn.

Nghĩa là chúng sanh trong đời này tùy kiểu phước báu mà chúng ta có kiểu hạnh phúc không giống nhau, do trình độ tâm linh và công đức bỏ túi nhiều ít khác nhau cho nên kiểu hạnh phúc không giống nhau. Có người sống chết buồn vui trong 5 dục, được như ý thì vui mà bất toại thì khổ ; hạng thứ 2 thì chuyên tâm thiên định mà còn thích hào quang còn thích có thân tướng, còn thích có phi lạc của thân và tâm ; cũng có loại không thích hào quang, không thích cảm giác mát lạnh sung sướng của thân cũng không màng nữa, cho nên ở cõi dục có đủ 6 căn, nhưng ở phạm thiên sắc giới thì họ chỉ có 3 căn thôi là nhãn nhĩ và ý căn thôi, lên phạm thiên vô sắc chỉ còn ý căn thôi, càng lên cao thì càng đơn giản. Và kẻ nào mà niềm vui nổi buồn càng nhiều thì cuộc sống của họ càng phức tạp càng rắc rối và niềm vui của họ nó phụ thuộc vào vô số điều kiện. Còn người nào nhu cầu sống càng đơn giản thì khả năng đau khổ nó ít theo. Có người họ chỉ đơn giản lắm đừng chạm vào 1,2 điều gì đó thôi còn lại thì no problem. Cõi dục không bị được cõi sắc, cõi sắc không bị được cõi vô sắc và cõi vô sắc của phạm phu không bị được với bậc thánh là như vậy ; thánh thấp thì không bị được với thánh cao.

Xong phẩm lạc. ngày mai mình sẽ học thêm phẩm tướng, chứ bây giờ bắt đầu là mệt, mà giảng nén thời gian, giảng chạy đồng hồ thì nó không có sâu, rộng.

Chúc các vị một ngày vui. Hẹn gặp lại ngày mai cũng vào giờ này!

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐÍNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

WWW.TOAIKHANH.COM

TOAIKHANH.COM